

Phụ lục I:
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
	TỔNG CỘNG		1.162.340	214.188	770.604	79.198	47.359	50.991	682.501	72.870	489.864	53.824	18.748	47.195	682.501	72.870	489.864	53.824	18.748	47.195	1.162.340	214.188	770.604	79.198	47.359	50.991	
A	Điều chỉnh giảm		1.162.340	214.188	770.604	79.198	47.359	50.991	682.501	72.870	489.864	53.824	18.748	47.195	-	-	-	-	-	-	479.839	141.318	280.740	25.374	28.611	3.796	
I	Công an tỉnh		41.000	15.800	-	-	25.200	-	29.684	14.884	-	-	14.800	-	-	-	-	-	-	-	11.316	916	-	-	10.400	-	
1	Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk giai đoạn I (Hạng mục: San nền, kê chắn đất phân khu và tường rào bảo vệ trụ sở),	7004692	40.000	14.800			25.200		28.684	13.884			14.800		-						11.316	916	-	-	10.400	-	Dự so giảm chi phí ĐBGPMB
2	Đầu tư lắp đặt hệ thống Camera giám sát, xử lý vi phạm và phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự trên tuyến QL.25, QL.29	7004692	1.000	1.000					1.000	1.000					-						-	-	-	-	-	-	Dự so với QT
II	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh		32.427	2.040	7.705	22.682	-	-	18.462	1.771	6.691	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	13.965	269	1.014	12.682	-	-	
1	Hệ thống cấp nước sạch khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú	7786598	5.760	2.040	3.720				5.491	1.771	3.720				-						269	269	-	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 6.200 xuống còn 5.760 triệu đồng)
2	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	7901431	14.596		1.914	12.682			900		900				-						13.696	-	1.014	12.682	-	-	Dự án đã đủ vốn kế hoạch vốn NST
3	Nâng cấp Khoa ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	7901428	12.071		2.071	10.000			12.071		2.071	10.000			-						-	-	-	-	-	-	Dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn
III	Ban quản lý dự án ĐTXD Buôn Ma Thuột		275.365	154.485	114.260	3.800	2.820	-	103.426	27.033	72.573	1.000	2.820	-	-	-	-	-	-	-	171.939	127.452	41.687	2.800	-	-	
1	Chỉnh trang đô thị trung tâm huyện	8074172	8.700		5.880		2.820		8.700		5.880		2.820		-						-	-	-	-	-	-	Vướng giải phóng mặt bằng, công trình tạm dừng thi công
2	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật xung quanh nút giao Ngã Sáu thành phố Buôn Ma Thuột	8118002	3.900		3.900				3.864		3.864				-						36	-	36	-	-	-	Dự kiến cắt giảm toàn bộ khối lượng (phần hạ tầng và vỉa hè) phía Trung tâm Văn hóa tỉnh Đắk Lắk

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
3	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị trấn Ea Súp.	8085641	4.550	2.340	2.210				2.751	541	2.210				-						1.799	1.799	-	-	-	-	Dư so với QT
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Ea Bông	8114381	475		475				455		455				-						20	-	20	-	-	-	Dư so với QT
5	Trường Mầm non Hòa Phú; hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng và 02 phòng chức năng, bếp ăn, nhà bảo vệ; nhà xe, hạ tầng kỹ thuật; Cải tạo nhà lớp học 05 phòng, sân vườn, công, tường rào	8142750	3.800			3.800			1.000			1.000			-						2.800	-	-	2.800	-	-	Dư so với QT
6	Đường Phan Huy Chú (từ đường 30/4 đến hết phường Khánh Xuân)- giai đoạn 1	7981850	52.000	22.000	30.000				17.211		17.211				-						34.789	22.000	12.789	-	-	-	Nghiệm thu hoàn thành, chờ quyết toán.
7	Đường Đồng Tây, thành phố Buôn Ma Thuột	7503930	17.675	17.200	475				17.044	16.569	475				-						631	631	-	-	-	-	Hết khối lượng để thanh toán
8	Đường nối từ đường Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14 (đường Nguyễn Chí Thanh), phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	7737494	25.000	15.000	10.000				12.500	2.500	10.000				-						12.500	12.500	-	-	-	-	Hết khối lượng
9	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 1 đi Làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (từ Km80+650 +/- Km83+600)	8083942	9.900	8.200	1.700				1.303		1.303				-						8.597	8.200	397	-	-	-	Giảm đo giảm thầu và thuế 8%
10	Đường giao thông từ đường Lê Quý Đôn, TDP7 đi buôn Ê Căm, thị trấn Buôn Tráp	8030168	850		850				850		850				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
11	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	8139220	5.900		5.900				3.900		3.900				-						2.000	-	2.000	-	-	-	Dư so với QT
12	Đường Nguyễn Hữu Thọ nối từ đường Nguyễn Chí Thanh đến hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ	7795522	1.000	1.000					270	270					-						730	730	-	-	-	-	Dư so với QT
13	Đường giao thông từ xã Ea Lê đi thôn Bình Lợi, xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	8109981	1.000		1.000				562		562				-						438	-	438	-	-	-	Giảm đo giảm thầu và thuế 8%
14	Đường vào khu phòng thủ SH01 xã Cư Khang, huyện Ea Súp	8059902	1.465	1.015	450				470	20	450				-						995	995	-	-	-	-	Giảm đo giảm thầu và thuế 8%
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 1 vào khu du lịch Thanh Hà (Thác 7 nhánh), xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn	8046483	1.540	1.540					420	420					-						1.120	1.120	-	-	-	-	Dư so với QT
16	Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột	7660468	137.610	86.190	51.420				32.126	6.713	25.413				-						105.484	79.477	26.007	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 160.000 xuống còn 137.610 triệu đồng)
IV	Ban quản lý dự án ĐTXD Ea Kar		21.107	5.656	8.290	2.392	4.769	-	13.422	3.975	7.009	1.380	1.058	-	-	-	-	-	-	-	7.685	1.681	1.281	1.012	3.711	-	

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú			
			Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn								
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:							
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương		Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi
1	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và Trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk	7963591	1.350				1350	568					568	-						782	-	-	-	782	-	Dư so với QT
2	Xây dựng nhà bộ phận một cửa UBND huyện	7973767	106		106			106		106				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
3	Sửa chữa kênh N2 CTTL Buôn Triết, xã Buôn Triết, huyện Lắk	8031570	80	40	40			80	40	40				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
4	Thăm nhựa các tuyến đường giao thông nội thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	8053795	1.409				1409	460					460	-						949	-	-	-	949	-	Dư so với QT
5	Cải tạo đường GT liên xã Ea Ktur đi xã Ea Ning (đoạn từ ngã 3 Ea Sim đến Hồ Việt Đức 4), huyện Cư Kuin	8011073	920	0	920			920		920				-						-	-	-	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 4.000 triệu đồng xuống còn 920 triệu đồng)
6	Hệ thống thoát nước khu trung tâm hành chính huyện Cư kuin	7607476	3.700		3700			3.700		3700				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Pil đi xã Cư Prao, huyện M'Drăk (Đoạn nối dài)	8022717	864	864				235	235					-						629	629	-	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 900 triệu đồng xuống còn 864 triệu đồng)
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi xã Cư San, huyện M'Drăk (lý trình Km0+00 - Km1+720 và Km4+280 - Km6+130)	8022719	3.852	3.852				3.000	3.000					-						852	852	-	-	-	-	Dư so với QT
9	Trường tiểu học - THCS Lý Tự Trọng các hạng mục khuôn viên và kiến trúc khác	7961026	372			372		10			10			-						362	-	-	362	-	-	Dư so với QT
10	Đường giao thông Cư Ni - Ea Pal	7995012	2.010				2.010	30				30		-						1.980	-	-	-	1.980	-	Dư so với QT
11	Đường giao thông liên xã từ xã Cư Elang đi xã Ea Ô	8011597	408		408			408		408				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
12	Đường từ thị trấn Ea Kar đi Cư Huê	7975035	48		48			48		48				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
13	Trường mầm non Ngọc Lan thị trấn Ea Kar	8101241	2.020			2.020			1.370			1.370			-					650	-	-	650	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 2.150 triệu đồng xuống còn 2.020 triệu đồng)	
14	Xây dựng hệ thống lưới điện để cấp điện cho các hộ dân tại thôn Ea Rót, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	8094977	350		350				350		350				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
15	Đường vào khu dân dân, tái định cư (Buôn Ea Chờ, Buôn Kiêu, Buôn Hăng Năm), xã Yang Mao, huyện Krông Bông	7922178	900	900					700	700					-					200	200	-	-	-	-	Dư so với QT	
16	Nâng cấp, mở rộng và via hè đường Hai Bà Trưng, thị trấn Krông Kmar	8049646	218		218				215		215				-					3	-	3	-	-	-	Dư so với QT	
17	Nâng cấp, sửa chữa hồ ông Đồng	8008622	2.500		2.500				1.222		1.222				-					1.278	-	1.278	-	-	-	Dư so với QT	
V	Ban quản lý dự án ĐTXD Buôn Hồ		93.497	207	74.766	18.524	-	-	70.334	207	54.105	16.022	-	-	-	-	-	-	-	23.163	-	20.661	2.502	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương, phường Đoàn Kết	8059239	230	0	230				230		230				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
2	Đường giao thông liên xã từ Thôn 6 xã Ea Drông (đoạn từ Km2+109,3) đi xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ	8061261	360	0	360				360		360				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Bình Thuận (Đoạn từ Km2+477 - Km6 +250), thị xã Buôn Hồ.	8061262	540		540				540		540				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
4	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ (từ thôn 1B xã Ea Siên đến Buôn Dhu xã Ea Drông)	8061263	21	0	21				21		21				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
5	Đường từ khu vực dân cư nổi ra nội đồng khu vực sản xuất (Đoạn từ buôn Gram A2 đến trục đường liên xã Cư Bao đi xã Ea Tul) thuộc xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ	8059388	15	0	15				15		15				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
6	Trường MN Vành Khuyên, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ; hạng mục: 03 phòng học, Nhà hiệu bộ, Bếp ăn	8059425	2.225			2225			2.225			2225			-					-	-	-	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 2.400 triệu đồng xuống còn 2.225 triệu đồng)	
7	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, xã Bình Thuận; hạng mục: Nhà lớp học 03 phòng (Điểm trường Buôn Pon)	8072773	300			300			300			300			-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
8	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, phường Thống Nhất; Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng, 02 tầng (06 phòng học và 04 phòng bộ môn)	8072074	2.400			2400			2.400			2400			-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	
9	Trường Tiểu học Trưng Vương, phường Thiện An; hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng - 02 tầng	8072073	1.900			1900			1.900			1900			-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT	

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:								
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
10	Điểm trường của Trường Tiểu học Lê Lợi, Thôn 8, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ; hạng mục: Nhà lớp học 02 phòng; công - tường rào và sân bê tông.	8077017	700			700			700			700			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
11	Điểm trường Trường Mẫu giáo Hoa Sim, Thôn 6, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ; hạng mục: Nhà lớp học 01 phòng, công - tường rào, sân bê tông	8077018	700			700			700			700			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
12	Trường Tiểu học Quang Trung, phường An Bình; hạng mục: Nhà lớp hiệu bộ và các phòng học bộ môn (02 tầng), nhà vệ sinh học sinh	8096816	500			500			500			500			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
13	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND phường Đoàn Kết; hạng mục: Nhà làm việc, Hội trường và hạ tầng kỹ thuật	8059426	4.399		4399				2.416		2416				-						1.983	-	1.983	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 9.100 triệu đồng xuống còn 4.399 triệu đồng)
14	Trung tâm Truyền thông-Văn hóa-Thể thao thị xã Buôn Hồ; hạng mục: Tháo dỡ, di dời trụ Anten tiếp, phát sóng; Cải tạo phòng cách âm, dựng hình; Cải tạo phòng lý thuật phát sóng; Cải tạo phòng thư viện; sửa chữa hệ trần sân khấu.		1.500			1500			1.500		1500				-						-	-	-	-	-	-	Tạm dừng thực hiện dự án chưa có khối lượng giải ngân
15	Cải tạo, nâng cấp đường Phù đổng Thiên Vương, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ	8126969	4.001		4.001				3.018		3.018				-						983	-	983	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 4.300 triệu đồng xuống còn 4.001 triệu đồng)
16	Đường Hải Triều, phường Đạt Hiếu (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đầu nối ra Quốc lộ 14	8074177	700		700				700		700				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
17	Trường Tiểu học Ama Khê, phường An Lạc; hạng mục: Xây dựng 08 phòng (02 tầng); Nhà đa năng.	8096817	5.700			5.700			3.198		3.198				-						2.502	-	-	2.502	-	-	Dư so với QT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh												Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại				
18	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Tô dân phố 8, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar	7699872	56.403		56.403				40.915		40.915				-						15.488	-	15.488	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 59.100triệu đồng xuống còn 56.403 triệu đồng)
19	Trung tâm văn hóa huyện Ea H'Leo; HM: Nhà thi đấu và hạ tầng kỹ thuật khác	8069812	4.000		4.000				2.000		2.000				-						2.000	-	2.000	-	-	-	Dư so với QT
20	Hỗ trợ kinh phí để cải tạo, nâng cấp đường Y Yon Niê, phường Đạt Hiếu	8059238	1.617		1617				1.617		1617				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
21	Trường TH Trần Quang Diệu, xã Cư Nê; hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng (02 tầng).	7889225	69			69			69			69			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
22	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, xã Chư Kô; hạng mục: Xây dựng và trang thiết bị nhà lớp học 08 phòng (02 tầng), nhà vệ sinh học sinh, công, tường rào mặt trước, sân, bồn hoa, kê đá học	7889761	93			93			93			93			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
23	Trường THCS Ngô Gia Tự, xã Cư Pong; hạng mục: Xây dựng và trang thiết bị nhà 02 tầng (03 phòng bộ môn, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng Đoàn đội, sân, bồn hoa và kê đá học	7889337	37			37			37			37			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
24	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Ea Sin; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	8116411	600			600			600			600			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
25	Đường giao thông thôn Trung Lộc (đoạn từ nhà ông Lê Quang Khoa đến nhà bà Nguyễn Thị Loan)	8136917	300		300				300		300				-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
26	Trường Mầm non Vành Khuyên, thị trấn Pong Drang; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng và bếp ăn 01 chiều	8143692	200			200			200			200			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
27	Hệ thống điện chiếu sáng nội thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	8016845	880		880				880		880				-						-	-	-	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 2.200 triệu đồng xuống còn 880 triệu đồng)
28	Trung tâm Y tế huyện Krông Năng; Hạng mục: Khôi hánh chính và phòng mổ, khoa y học cổ truyền	7953450	700			700			700			700			-						-	-	-	-	-	-	Dư so với QT
29	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các hạng mục kỹ thuật khác tại khu vực 01 ha đối diện UBND xã Phú Lộc (GD 2)	8122066	907	207	700				700	207	493				-						207	-	207	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 1.698 triệu đồng xuống còn 907 triệu đồng)

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn								
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
30	Trường TH-THCS Nguyễn Thị Minh Khai; Hạng mục: Tường rào và bờ kè	8084371	900			900			900			900			-						-	-	-	-	-	-	Dự so với QT
31	Trang bị phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo		600		600				600		600										-	-	-	-	-	-	Dừng triển khai thực hiện
VI	Ban Quản lý các dự án DTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk		12.000	-	12.000	-	-	-	11.698	-	11.698	-	-	-	-	-	-	-	-	-	302	-	302	-	-	-	
1	Dự án hạ tầng khung khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7966934	12.000		12.000				11.698		11.698				-						302	-	302	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 150.000 xuống còn 12.000 triệu đồng)
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa		530.385	-	503.015	26.800	570	-	336.145	-	315.653	20.422	70	-	-	-	-	-	-	194.240	-	187.362	6.378	500	-		
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc HĐND & UBND thành phố Tuy Hòa và các phòng ban thuộc UBND thành phố	7895394	2.500		2.500				2.500		2.500				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
2	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng, phường 9, thành phố Tuy Hòa (Hạng mục: Xây dựng 03 phòng bộ môn đạt chuẩn, các phòng tổ chuyên môn, các hạng mục phụ trợ, cải tạo các phòng bộ môn đạt chuẩn và trang thiết bị)	7895241	100			100			59			59			-						41	-	-	41	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lò Vôi, phường 1, thành phố Tuy Hòa	7896926	9.500		9.500				4.500		4.500				-						5.000	-	5.000	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 30.000 xuống còn 9.500 triệu đồng)
4	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt và trồng cây xanh khu dân cư khu phố 1, khu phố 2 phường Phú Đông (khu đất số 1 và khu đất số 2) và khu đất số 3, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa	7896376	900		900				900		900				-						-	-	-	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành.
5	Đầu tư nâng cấp vỉa hè tuyến đường Nguyễn Thị Định, đường Võ Thị Sáu, đường Đinh Tiên Hoàng, đường Phạm Văn Đồng, phường Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú Đông, thành phố Tuy Hòa	7896366	2.000		2000				1.000		1000				-						1.000	-	1.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành.
6	Cải tạo, nâng cấp đầu tư mới hệ thống tín hiệu giao thông thành phố	7941964	4.500		4.500				3.434		3.434				-						1.066	-	1.066	-	-	-	Đã trình quyết toán, không còn nhu cầu
7	Cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố bằng công nghệ Led giai đoạn 2021-2025 (năm 2022)	7940713	3.900		3900				3.610		3610				-						290	-	290	-	-	-	Đã trình quyết toán, không còn nhu cầu

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
8	Đầu tư, nâng cấp mở rộng nghĩa trang Thọ Vực, thành phố Tuy Hòa (phần mở rộng 30ha), xã Hòa Kiến và xã An Phú, thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1: 5ha)	7939443	4.600		4.600				4.600		4.600				-						-	-	-	-	-	-	Đã hoàn thành. Không còn nhu cầu.
9	Đầu tư Nhà hòa táng, xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	7940176	200		200				200		200				-						-	-	-	-	-	-	Đã hoàn thành. Không còn nhu cầu.
10	Khép kín KDC phía Đông đường Trần Suyền, thành phố Tuy Hòa	7940175	10.000		10.000				10.000		10.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu
11	Nâng cấp sửa chữa Lò mổ gia súc, gia cầm thành phố Tuy Hòa	7940170	50		50				50		50				-						-	-	-	-	-	-	Đã hoàn thành. Không còn nhu cầu.
12	Trường THCS Lý Tự Trọng, Phường 2, TP Tuy Hòa; HM: Xây dựng 6 phòng học bộ môn, phòng thư viện, nhà kho, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị	7940719	100			100			63			63			-						37	-	-	37	-	-	Đã trình quyết toán, không còn nhu cầu
13	XD tuyến đường QH rộng 42m (đại lộ Hùng Vương nối dài); đoạn: từ đường Võ Thị Sáu đến đường QH rộng 16m thuộc khu đất số 3, p.Phú Đông, TP Tuy Hòa	7619385	10.000		10.000				10.000		10.000				-						-	-	-	-	-	-	Đã hoàn thành. Không còn nhu cầu.
14	Khu dân cư phía Nam đường Quy hoạch số 8 (đoạn từ đường Lê Thành Phương – đến đường quy hoạch số 1)	7669425	5.000		5000				3.000		3000				-						2.000	-	2.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu
15	Xây dựng đường Mậu Thân (Đoạn từ Lý Tự Trọng - Điện Biên Phủ) và đường Lý Tự Trọng (Đoạn từ Mậu Thân - đường Quy hoạch rộng 16m)	7778278	22.800		10.000	12.800			22.300		9.500	12.800			-						500	-	500	-	-	-	Đã hoàn thành. Không còn nhu cầu.
16	Mở rộng đường đảm bảo cho các lực lượng cơ động ven biển thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (đường Lê Duẩn nối dài) giai đoạn 2 (Đoạn từ Km4+205,28 đến Km8+268,13)	7784733	20.000		20000				10.000		10000				-						10.000	-	10.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu
17	Khu đất phía Nam Bảo Tàng Phú Yên	7858456	400		400				400		400				-						-	-	-	-	-	-	Đã hoàn thành. Không còn nhu cầu.
18	Đầu tư xây dựng công viên phía Tây trung tâm truyền hình tại Phú Yên	7778277	20.000		20000				15.000		15000				-						5.000	-	5.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu
19	Khép kín khu dân cư (khu đất số 01 và số 3)	7669783	5.000		5000				2.000		2000				-						3.000	-	3.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu
20	Khép kín khu dân cư khu đất số 04	7670654	10.000		10000				8.000		8000				-						2.000	-	2.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh												Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	
21	Khép kín khu dân cư đường Trần Suyền (đoạn từ đường An Dương Vương đến Trần Nhân Tông)	7646074	50.000		50.000				30.000		30.000				-						20.000	-	20.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
22	Khép kín khu dân cư khu đất A1	7646073	5.000		5.000				4.000		4.000				-						1.000	-	1.000	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
23	Đầu tư các tuyến đường bê tông nông thôn và các hẻm phố trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	8021252	4.200		4.200				2.000		2.000				-						2.200	-	2.200	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
24	Cải tạo nâng cấp các đảo giao thông trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	7991288	50		50				50		50				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
25	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng hẻm phố bằng công nghệ Led (năm 2023)	8008047	780		780				780		780				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
26	Điện chiếu sáng hẻm phố công nghệ Led giai đoạn 2021 - 2025 (năm 2022)	7947879	2.250		2.250				2.250		2.250				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
27	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí và cây xanh trên tuyến đường Hải Dương (đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành - đến ranh giới huyện Phú Hòa), thành phố Tuy Hòa	7947878	50		50				50		50				-						-	-	-	-	-	-	Dự so với QT
28	Thay thế bó vỉa bằng đá Granite và lát vỉa hè bằng đá Granite đường Trần Phú (đoạn từ đường Trường Chinh - đường Trần Suyền), thành phố Tuy Hòa	7992454	3.575		3.575				3.000		3.000				-						575	-	575	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
29	HTKT khu TĐC cho các tuyến đường ngang dự mở, thành phố Tuy Hòa	7669777	1.000		1.000				717		717				-						283	-	283	-	-	-	Đã trình quyết toán, không còn nhu cầu.
30	Đầu tư xây dựng công viên tại nhà văn hóa thành phố Tuy Hòa (nhà hát nhân dân cũ)	7608499	6.500		6.500				6.500		6.500				-						-	-	-	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
31	Khép kín khu dân cư khu phố 4, phường Phú Thạnh	7530125	2.000		2.000				2.000		2.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
32	Hạ tầng ô phố 1 thuộc khu TĐC phường 9, (giai đoạn 2, đợt 2)	7015980	5.000		5.000				5.000		5.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
33	Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐC Phường 9 (giai đoạn 2); HM: San nền, đường giao thông và thoát nước các khu G, Q và H1)	7015980	5.000		5.000				5.000		5.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
34	Khep kín KDC khu đất số 1 và khu đất số 2 thuộc khu phố 01, khu phố 02 phường Phú Đông và khu đất số 3 thuộc phường Phú Thạnh	7530129	20.000		20.000				10.000		10.000				-						10.000	-	10.000	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
35	Khu dân cư đường Mạc Thị Bưởi (đoạn phía Nam đường Trần Quang Khải và phía Tây đường Côn Sơn)	7669412	20.000		20.000				10.000		10.000				-						10.000	-	10.000	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
36	Hạ tầng kỹ thuật KDC phía Tây đường QH rộng 25m (khu nhà ở CBCS Công an tỉnh), KP4, p.Phú Thạnh, TP Tuy Hòa	7619388	1.000		1.000				1.000		1.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
37	Hạ tầng kỹ thuật KDC phía Bắc trụ sở UBND p. Phú Thạnh, TP Tuy Hòa	7619399	10.000		10.000				7.000		7.000				-						3.000	-	3.000	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
38	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường QH rộng 42m (khu nhà ở CBCS Công an tỉnh), KP3, p.Phú Thạnh, TP Tuy Hòa	7619387	1.000		1.000				1.000		1.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
39	Xây dựng tường rào bao quanh nghĩa trang phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa	7669417	2.000		2.000				2.000		2.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
40	Đầu tư, mở rộng nghĩa trang Thọ Vực, (phần mở rộng 30 ha), xã Hòa Kiến và xã An Phú, thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 2: 25 ha)	7947889	82.000		82.000				30.000		30.000				-						52.000	-	52.000	-	-	-	Giảm nhu cầu sử dụng theo giá trị BTGPMB được duyệt.
41	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc trụ sở UBND phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa; HM: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt	7736975	500		500				500		500				-						-	-	-	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
42	Đầu tư xây dựng tuyến đường Nguyễn Thị Bảo (đoạn từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Tổ Hữu) và đường quy hoạch N1 (đoạn từ đường Phạm Ngọc Thạch đến đường đến đường Nguyễn Thế Bảo), phường 9, thành phố Tuy Hòa	7947890	2.000		2.000				2.000		2.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
43	Đầu tư tuyến ống cấp nước sinh hoạt đến xã Hòa Kiến, thôn Phú Ân thuộc xã An Phú, thôn Thượng Phú thuộc xã Bình Kiến và đường Chiến Thắng thuộc phường Phú Lâm	7965357	2.000		2.000				2.000		2.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
44	Công viên đường Lương Văn Chánh (khu nhà hát cũ)	8068633	150		150				150		150				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
45	Trạm bơm Đồng Phú	8005713	8.200		8.200				8.200		8.200				-						-	-	-	-	-	-	Dự kiến dừng thực hiện vì qua cơn bão 2025 cơ bản không còn phù hợp.
46	Đường GT Buôn Thô đi Suối Mây	7901466	1.900		1.900				1.900		1.900				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:								
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
47	Xây dựng Hồ sinh thái thị trấn	7947882	25.000		25.000				10.000		10.000				-						15.000	-	15.000	-	-	-	Dư so với QT
48	Khép kín khu dân cư phía Nam THACO Trường Hải thuộc khu đất O28 (đồ án quy hoạch Bắc Sông Ba)	7940751	13.000		13.000				10.000		10.000				-						3.000	-	3.000	-	-	-	Dư so với QT
49	Khép kín khu dân cư phía Nam An Thịnh thuộc khu đất O27 (đồ án quy hoạch Bắc Sông Ba)	7940752	14.000		14.000				4.000		4.000				-						10.000	-	10.000	-	-	-	Dư so với QT
50	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư NV1, NV2, NV3, NV4 thị trấn Phú Hòa	7808698	18.000		18.000				10.000		10.000				-						8.000	-	8.000	-	-	-	Dư so với QT
51	Nâng cấp, mở rộng khu dân cư Thành Hồ Trung tâm thị trấn Phú Hòa	7916633	1.900		1.900				1.900		1.900				-						-	-	-	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
52	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH24 (đoạn từ ĐH22 - Quốc lộ 25)	7989186	4.000		3.500		500		3.300		3.300				-						700	-	200	-	500	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
53	Đường nội thị trục D5 phường Hòa Vinh (từ nút N2 đến QL29)	8024282	14.000		14.000				10.000		10.000				-						4.000	-	4.000	-	-	-	Dư so với QT
54	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ chùa Phước Long đến nhà ông Nguyễn Quý	7746843	2.400		2400				400		400				-						2.000	-	2.000	-	-	-	Dư so với QT
55	Bãi rác công cộng huyện Đông hòa (giai đoạn 1)	7857673	3.500		3.500				3.500		3.500				-						-	-	-	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
56	Bãi rác công cộng huyện Đông hòa (giai đoạn 2)	7955854	1.800		1.800				800		800				-						1.000	-	1.000	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.
57	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư NLK7, NCT 23 thị trấn Phú Hòa	8120942	15.000		15.000				4.000		4.000				-						11.000	-	11.000	-	-	-	Dự án chưa đảm bảo khối lượng để giải ngân
58	Đường giao thông nội thị thị trấn Phú Hòa; tuyến đường D3	7941301	1.700		1.700				1.700		1.700				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
59	Nâng cấp mở rộng đường nội thị thị trấn Hòa Hiệp Trung (đoạn từ ngã 3 Hòa Hiệp Trung đến Trường THCS Lương Tấn Thịnh, dài 520m)	7860282	3.000		3.000				3.000		3.000				-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.
60	Đường nội thị Hòa Hiệp Trung - Hòa Hiệp Nam (đoạn từ QL29 đến Khu phố Phú Thọ 3 Hòa Hiệp Trung - Đường 23)	7706404	4.800		4.800				2.600		2.600				-						2.200	-	2.200	-	-	-	Dư so với QT
61	Trường THCS Trần Hưng Đạo huyện Đông Hòa; HM: GPMB, San nền, Xây dựng công, tường rào, Đường nội bộ	7707297	5.000			5.000			5.000			5.000			-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
62	Xây dựng tuyến đường quy hoạch D7 thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị ven sông từ cầu Bến Lớn đến cầu Bàn Thạch (giai đoạn 1)	7995068	8.070		8.000	-	70	8.070		8.000		70	-						-	-	-	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 11.000 xuống còn 8.070 triệu đồng)		
63	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa SLMB gđ1	7000983	250		250			250		250			-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.		
64	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 9 (gđ 1)	7745725	3.400		3.400			3.400		3.400			-						-	-	-	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.		
65	Trường THCS Hoàng Hoa Thám - hạng mục: Xây dựng 08 phòng học tập và Nhà đa năng	8088964	500			500		500			500		-						-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.		
66	Sửa chữa, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng đường 3 tháng 2(đoạn từ đường Thăng Long đến giáp đường ray), phường Phú Thạnh và di dời hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại nút giao Lê Thánh Tôn - Trần Bình Trọng đến vị trí nút giao đường Quy hoạch 30m+đường Lê Duẩn cơ động, xã An Phú, thành phố Tuy Hòa	8151161	150		150			63		63			-						87	-	87	-	-	-	Dự so với QT		
67	Đầu tư xây dựng học mô cải táng tại nghĩa trang Thọ Vực (phía Đông khu An Nhi Viên), xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	8097701	450		450			375		375			-						75	-	75	-	-	-	Dự án Đã trình quyết toán, không còn nhu cầu.		
68	Sửa chữa hệ thống điện hạ thế ngầm và đầu tư xây dựng mới Trạm biến áp tại công viên Thanh thiếu niên và di dời trụ đèn pha tại đảo giao thông Nguyễn Hữu Thọ - Lê Duẩn về công viên FBS	8097906	380		380			345		345			-						35	-	35	-	-	-	Dự án Đã trình quyết toán, không còn nhu cầu.		
69	Thay bóng đèn chiếu sáng công cộng các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị xã	8148156	2.400		2.400			1.200		1.200			-						1.200	-	1.200	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.		
70	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở làm việc Công an Phường 8, thuộc Công an thành phố Tuy Hòa	8098471	100		100			28		28			-						72	-	72	-	-	-	Dự so với QT		
71	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở làm việc Công an phường Phú Lâm, thuộc Công an thành phố Tuy Hòa	8097905	100		100			100		100			-						-	-	-	-	-	-	Dự so với QT		
72	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở làm việc Công an phường Phú Thạnh, thuộc Công an thành phố Tuy Hòa	8097903	100		100			100		100			-						-	-	-	-	-	-	Dự so với QT		

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
73	Tu bổ di tích Bia chiến công Núi Thơm, xã An Phú và Đồng Tác, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa	8070330	180		180			180		180				-					-	-	-	-	-	-	Dư so với QT		
74	Đầu tư xây dựng trường MNCL xã Bình Kiến	8021247	2.000		2.000			1.500		1.500				-					500	-	500	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.		
75	Sửa chữa, nâng cấp các hồ ga trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	8021253	100		100			21		21				-					79	-	79	-	-	-	Dư so với QT		
76	Đầu tư xây dựng Trường MNCL xã An Phú	8021249	8.300			8.300		2.000			2.000			-					6.300	-	-	6.300	-	-	Dư so với QT		
77	KDC đường Mạc Thị Bưởi, thành phố Tuy Hòa (khu phía Nam đường Trần Quang Khải và phía Tây đường Cồn Sơn); Hạng mục: Cấp nước và cây xanh.	7991296	1.000		1.000			1.000		1.000				-					-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.		
78	Cải tạo, thay thế, trồng mới cây xanh một số tuyến đường nội thành thành phố Tuy Hòa	7991290	300		300			300		300				-					-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.		
79	Dự án: Đường Điện Biên Phủ và Nguyễn Trãi nối dài	7361578	5.000		5.000			5.000		5.000				-					-	-	-	-	-	-	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu.		
80	Đường gom phía Tây (đoạn từ nút giao trục Đông Tây đến đối diện Trụ sở UBND thị trấn Hòa Vinh)	7350651	2.800		2.800			2.800		2.800				-					-	-	-	-	-	-	Dự án thi công cơ bản hoàn thành, không còn nhu cầu.		
VIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An		28.330	-	28.330	-	-	-	22.135	-	22.135	-	-	-	-	-	-	-	6.195	-	6.195	-	-	-			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bắc Hòa Phú, xã Xuân Cảnh	7945719	7.300		7.300			3.800		3.800				-					3.500	-	3.500	-	-	-	KH 2026 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 (từ 24.000 xuống còn 7.300 triệu đồng)		
2	Đầu tư xây dựng mở rộng đường Lê Thành Phương (Đoạn từ QL1 đến Hạt Kiểm Lâm).	7908346	15.000		15.000			14.920		14.920				-					80	-	80	-	-	-	Dư so với QT		
3	Công viên trung tâm xã Xuân Cảnh	8089950	4.900		4.900			2.500		2.500				-					2.400	-	2.400	-	-	-	HT		
4	Nâng cấp, mở rộng, đường vào khu du lịch Vực Sơm, xã An Lĩnh, huyện Tuy An	8163563	600		600			600		600				-					-	-	-	-	-	-	Dừng thực hiện		
5	Sửa chữa, nâng cấp đường Phạm Văn Đồng (giao 02 đường Trần Hưng Đạo và Lê Lợi)	7698696	500		500			302		302				-					198	-	198	-	-	-	HT		
6	Dự án: Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các Hợp tác xã (HTX) trên địa bàn huyện Tuy An	8141189	30		30			13		13				-					17	-	17	-	-	-	Dư so với QT		

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
IX	Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		50.000	36.000	-	-	14.000	-	25.000	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.000	11.000	-	-	14.000	-		
1	Dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1)	7550684	50.000	36.000			14.000		25.000	25.000					-					25.000	11.000	-	-	14.000	-	Dư so với QT	
X	Sở Nông nghiệp và Môi trường		73.229	-	22.238	-	-	50.991	47.195	-	-	-	-	47.195	-	-	-	-	-	26.034	-	22.238	-	-	3.796		
1	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tại tỉnh Đắk Lắk	8132652	73.229		22.238			50.991	47.195					47.195	-					26.034	-	22.238	-	-	3.796	Sau điều chỉnh KH vốn năm 2026 của Dự án RECAF còn 101.526 triệu đồng, gồm: Vốn ODA: 75.492 triệu đồng (Viện trợ không hoàn lại 23.036 triệu đồng, ODA TW cấp phát 52.456 triệu đồng); NSDP 26.034 triệu đồng (Thu tiền SDD: 22.238 triệu đồng, vay lại: 3.796 triệu đồng). Giảm 47.195 triệu đồng vốn ODA tính vay lại so với QĐ 876/QĐ-UBND ngày 27/3/2026.	
XI	Sở Văn hoá Thể thao du lịch		5.000	-	-	5.000	-	-	5.000	-	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Khu di tích lịch sử Sờ Chi huy - Nơi thành lập Quân đoàn 3	8132652	5.000			5.000			5.000			5.000			-					-	-	-	-	-	-	Giảm vốn thông báo sau đã được dự kiến giao tại quyết định 02558/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025; 55/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh	
B	Điều chỉnh tăng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	682.501	72.870	489.864	53.824	18.748	47.195	682.501	72.870	489.864	53.824	18.748	47.195	
I	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60.200	20.563	39.637	-	-	-	60.200	20.563	39.637	-	-	-	

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:							
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi
1	Đường giao thông trục chính vào khu công nghiệp Hòa Phú	7904515												60.000	20.363	39.637				60.000	20.363	39.637	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
2	Hệ thống quan trắc nước thải tự động Khu công nghiệp Hòa Phú	8158914												200	200					200	200	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
II	Ban quản lý dự án ĐTXD Buôn Ma Thuột		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	186.964	10.217	161.359	1.465	13.923	-	186.964	10.217	161.359	1.465	13.923	-	
1	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Phan Bội Châu và đường Lê Lợi, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana	7954117												250				250		250	-	-	-	250	-	QT
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính liên xã Hoà Xuân (từ trung tâm xã Hoà Xuân đến cầu Cừ Đuê)- (giai đoạn 1)	7982215												490				490		490	-	-	-	490	-	QT
3	Nâng cấp hạ tầng đô thị, vỉa hè, cây xanh một số tuyến đường trung tâm thành phố	7984406												2.617	217	2.400				2.617	217	2.400	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
4	Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk	7862207												10.000		10.000				10.000	-	10.000	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
5	Đường Hùng Vương (đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường nguyên Văn Cừ) GĐ1	7795520												800		800				800	-	800	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
6	Trường THPT Cao Bá Quát; hạng mục Nhà đa năng	8078314												663			663			663	-	-	663	-	-	QT
7	Trường THPT Trần Phú; hạng mục Nhà đa năng	8078319												502			502			502	-	-	502	-	-	QT
8	Quy hoạch chi tiết và đầu tư hạ tầng đô thị dọc hành lang suối Ea Tam (đoạn từ cầu Nguyễn Văn Cừ đến Hồ thủy lợi EaTam)	7985746												316		316				316	-	316	-	-	-	QT
9	Xây dựng trạm bơm T144 và kiên cố hoá cánh đồng B, thôn buôn Triết, xã Dư Kmāl	8072772												200		200				200	-	200	-	-	-	QT
10	Trường THPT Krông Ana, huyện Krông Ana	8031569												300			300			300	-	-	300	-	-	QT
11	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Ea Na, huyện Krông Ana	8095984												300				300		300	-	-	-	300	-	Bổ sung vốn để thanh toán tiến độ HT
12	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng tuyến đường Nguyễn Du nối dài, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana (đoạn từ tổ dân phố 3 đến ngã tư buôn Ê Cầm)	8034992												300		300				300	-	300	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán tiến độ HT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú			
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:						
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	
13	Đường vào nghĩa trang Thành phố tại xã Hoà Khánh	7983126													19.200		19.200					19.200	-	19.200	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
14	Đường Nguyễn Kim, P. Tân Thành (từ đường Mai Hắc Đế đến đường Y Ôn)	7816926													3.097		3.097					3.097	-	3.097	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
15	Đường Đặng Thái Thân, P. Tân Thành	7816928													14.000		1.117		12.883		14.000	-	1.117	-	12.883	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
16	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông buôn M'rê - buôn Niêng (giai đoạn 1)	8035605													30.000		30.000				30.000	-	30.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
17	Đường Ama Jhao nối dài (từ đường Hùng Vương đến trục đường số 17 thuộc quy hoạch khu đô thị mới đồi thuy vân và trung tâm thể dục thể thao), P. Tân Lập	7982216													22.000		22.000				22.000	-	22.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
18	Cải tạo, tổ chức các nút giao để đảm bảo an toàn giao thông	8035604													5.000		5.000				5.000	-	5.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
19	XDCSHT khu tái định cư buôn Pân Lâm, P. Tân Lập (giai đoạn 2)	8056746													6.000		6.000				6.000	-	6.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
20	XDCSHT thôn 3 Ea Tu (5,25 ha)	7954687													15.000		15.000				15.000	-	15.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
21	XDCSHT khu dân cư TDP 12 phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột (bên cạnh nhà máy bia và trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha)	7799165													10.434		10.434				10.434	-	10.434	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
22	Đường nối từ đường Y Ôn đến đường Đặng Thái Thân Và hẻm 119 Mai Hắc Đế (đường giao thông tại khu vực công viên Sơn La)	7983541													2.150		2.150				2.150	-	2.150	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
23	Hoa viên khu dân cư thôn 1, xã Hoà Thắng	8118004													1.700		1.700				1.700	-	1.700	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú			
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:							
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại		
24	Cổng chào phía Tây Thành phố Buôn Ma Thuột (thành phố Buôn Ma Thuột đi huyện Buôn Đôn)	7992557													2.500		2.500						2.500	-	2.500	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
25	Cải tạo, mở rộng đường liên xã Ea Kao – Hòa Khánh (Giai đoạn 1)	8071278													1.051		1.051						1.051	-	1.051	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
26	XD CSHT khu đất Trường Hành chính cũ, phường Ea Tam	7583314													1.102		1.102						1.102	-	1.102	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
27	XDCSHT Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, TP. Buôn Ma Thuột	7784123													10.000	10000							10.000	10.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
28	XD CSHT KDC TDP 4, phường Tân Lập (1,2ha)	7769345													500		500						500	-	500	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
29	Cải tạo, tổ chức 04 nút giao thông trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột	8056745													10.348		10.348						10.348	-	10.348	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
30	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng thông minh các trục đường Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Lương Bằng, Đạm San và Nguyễn Thái Bình, thành phố Buôn Ma Thuột	8145189													3.700		3.700						3.700	-	3.700	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
31	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thuộc điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị tỷ lệ 1/500 khu dân cư đô thị khối 6, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	7767834													2.600		2.600						2.600	-	2.600	-	-	-	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
32	Chiếu sáng mỹ thuật cầu Cạn đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Buôn Ma Thuột	8056689													7		7						7	-	7	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
33	Hoa viên cây xanh khu dân cư Buôn Pán Lâm, phường Tân Lập	8037194													770		770						770	-	770	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
34	Công viên Nguyễn Tất Thành	7992558													1.867		1.867						1.867	-	1.867	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
35	Dự án: Chống sạt lở hệ thống đê bao Quảng Điền, huyện Krông Ana Hạng mục: Sửa chữa hệ thống đê bao Quảng Điền, huyện Krông Ana (ks)	7897272													400		400						400	-	400	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú			
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:						
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	
36	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đô thị buôn Rung, thị trấn Buôn Tráp	8113503													1.100		1.100					1.100	-	1.100	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
37	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ ngã tư Chu Văn An đến khu dân cư Đồng Nam), thị trấn Buôn Tráp	8113146													700		700					700	-	700	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
38	Đường nối từ Hùng Vương (số 397 Hùng Vương) đến đường Trần Quý Cáp	7943659													5.000		5.000					5.000	-	5.000	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
III	Ban quản lý dự án ĐTXD Ea Kar		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.403	12.403	-	-	-	-	12.403	12.403	-	-	-	-	-	
1	Đường nội buôn Đắk Ju	7344175													15	15						15	15	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
2	Đường nội vùng buôn Mah	7344173													348	348						348	348	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
3	Xây dựng nhà ăn BCH Quân sự các xã thị trấn, huyện M'Drắk	8116151													1.300	1.300						1.300	1.300	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
4	Nâng cấp, cải tạo Công viên 1-6, Thị trấn M'Drắk	8126501													1.600	1.600						1.600	1.600	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
5	Trường tiểu học Kim Đồng, thị trấn M'Drắk	8118005													53	53						53	53	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
6	Đường giao thông trục chính cụm CN Ea Dar	7638050													120	120						120	120	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
7	Đường trục chính trung tâm nội thị trấn Ea Kar đi xã Cư Ni huyện Ea Kar	7088644													1.121	1.121						1.121	1.121	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
8	Nền móng mặt đường và công trình thoát nước - Khắc phục hậu quả lũ lụt đường vào trung tâm xã Cư Prông, huyện Ea Kar	7300600													195	195						195	195	-	-	-	-	Bổ sung vốn thiếu so với QT
9	Kênh và công trình trên kênh có Ft<=150ha- dự án Hồ chứa nước Krông Búk hạ, tỉnh Đắk Lắk.	7408678													7.651	7.651						7.651	7.651	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
IV	Ban quản lý dự án ĐTXD Buôn Hồ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31.850	21.704	8.609	1.537	-	-	31.850	21.704	8.609	1.537	-	-	-	
1	Trường Tiểu học Quang Trung (giai đoạn 2); Hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng (02 tầng), dãy phía đường Quang Trung; Hệ thống phòng cháy chữa cháy	8096818													1.534			1.534				1.534	-	-	1.534	-	-	QT cấp huyện chuyển về
2	Trường THCS Ngô Quyền, xã Cư Bao; HM: Nhà vệ sinh học sinh và giáo viên	8137840													3			3				3	-	-	3	-	-	QT cấp huyện chuyển về

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú						
			Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn											
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:										
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất		Xô số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương		Thu tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		
3	Đường giao thông nối từ đường Quang Trung sang đường Nguyễn Trãi (vào trường THCS Nguyễn Khuyến), phường An Bình	8140015													6.000	6.000						6.000	6.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn Buôn Mũi và Buôn Džia, xã Cư Nê, huyện Krông Búk	8041532													500	500						500	500	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	
5	Xây dựng hạ tầng đối với diện tích đất dự kiến đấu giá tại tổ dân phố 13, thị trấn Pong Drang	8097048													1.215	1.215						1.215	1.215	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các hạng mục kỹ thuật khác tại khu vực 01 ha đối diện UBND xã Phú Lộc	8177842													791	791						791	791	-	-	-	-	QT cấp huyện chuyển về	
7	Mở rộng nghĩa trang nhân dân liên xã huyện Ea H'Leo	8128136													3.955	3.955						3.955	3.955	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT	
8	Mở rộng bãi rác huyện Ea H'Leo tại xã Ea Khôl	8128137													2.860	2.860						2.860	2.860	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT	
9	Đường giao thông xã EaH'Leo, huyện EaH'Leo nối với đường biên giới Tây Bắc, huyện Easup	7515725													138	138						138	138	-	-	-	-	QT	
10	Tượng đài chiến Thắng Cẩm Ga - Thuận Mãn; HM: Tượng đài, tường phù điêu; Phù điêu; HTKT; Công, hàng rào, nhà vệ sinh, đài nước, sân đường nội bộ; Cây xanh cảnh quan.	8069811													63	63						63	63	-	-	-	-	QT cấp huyện chuyển về	
11	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, mở rộng đường giao thông Tuệ Tĩnh và một số trục đường thị trấn Krông Năng	8089481													1.135	1.135						1.135	1.135	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT	
12	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 29 nối Tỉnh lộ 3 và Buôn Wiao A, thị trấn Krông Năng; HM: Nền, móng, mặt đường, lề đường và hệ thống thoát nước	7970585													46	46						46	46	-	-	-	-	QT cấp huyện chuyển về	
13	Đường GT trục xã từ Trung tâm xã Phú Lộc đến thôn Lộc Tài, thôn Lộc Thạnh xã Phú Lộc nối với TDP1 TT Krông Năng	7896563													5.000	5.000						5.000	5.000	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT	
14	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các hạng mục kỹ thuật khác tại khu vực trường mẫu giáo Hoa Lan (cũ)	8162071													5.543		5.543					5.543	-	5.543	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú				
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn										
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:							
Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại						
15	Xây dựng mới cầu Km 12+900 Tỉnh lộ 3	7953169													1.379		1.379						1.379	-	1.379	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
16	Đường giao thông liên xã Ea Ral - Ea Sol, huyện Ea H'leo (ks)	7159813													231		231						231	-	231	-	-	-	QT
17	Đường giao thông đến trung tâm xã Ea M'roh (xã Quảng Hiệp mới), huyện Cư M'gar (ks)	7159750													1.159		1.159						1.159	-	1.159	-	-	-	QT
18	Khu tái định cư số 03, xã Cư Nê, huyện Krông Búk (nay là xã Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk) (ks)	7559084													297		297						297	-	297	-	-	-	QT
V	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.222	-	3.222	-	-	-	-	-	3.222	-	3.222	-	-	-	
1	Đường liên huyện từ xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin đi xã Băng Adrênh, huyện Krông Ana	7726928													1.195		1.195						1.195	-	1.195	-	-	-	QT
2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km0+00 - Km26+300 (phần kỹ đầu tư Km0+00-Km10+00), phần đoạn Km0+00 - Km6+840	7801129													257		257						257	-	257	-	-	-	QT
3	Đường liên tỉnh Gia lai - Đắk Lắk (Km18 - Km29)	7726929													58		58						58	-	58	-	-	-	QT
4	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Hồ Ea Kao (Gd 1)	7728351													601		601						601	-	601	-	-	-	QT
5	Đường giao thông đến trung tâm xã Băng Adrênh, huyện Krông Ana - Đoạn từ ngã ba Quỳnh Tân-Km21+400 TL2 đến ngã ba cây hương	7738028													95		95						95	-	95	-	-	-	QT
6	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 12, đoạn Km0-Km13+869	7691191													440		440						440	-	440	-	-	-	QT
7	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 9 (Phần kỹ đầu tư Km21+100 ÷ Km27+00)	7803684													91		91						91	-	91	-	-	-	QT
8	Dự án Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km 49+00	7900393													230		230						230	-	230	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
9	Công trình thủy lợi Dray Sáp (Trạm bơm Buôn Kốp), xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	7728350													255		255						255	-	255	-	-	-	QT
VI	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.394	565	-	9.829	-	-	-	-	10.394	565	-	9.829	-	-	

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:						
Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại					
1	Trường Chính trị tỉnh Phú Yên	7689462													9.829			9.829				9.829	-	-	9.829	-	-	QT
2	Di dời học viện Ngân hàng - Phần viện Phú Yên để xây dựng Trung tâm văn hóa triển lãm tỉnh Phú Yên	7838200													554	554					554	554	-	-	-	-	QT	
3	Xây dựng cơ sở 2 (giai đoạn 1) - Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên	7609091													6	6					6	6	-	-	-	-	QT	
4	Trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015 - 2020 thuộc Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC	7528905													5	5					5	5	-	-	-	-	QT	
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	210.142	556	186.136	23.450	-	-	210.142	556	186.136	23.450	-	-		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào bãi rác công cộng huyện Đông Hòa (nay là thị xã Đông Hòa)	7869666													172	172					172	172	-	-	-	-	QT	
2	Nâng cấp tuyến đường vào bãi rác công cộng thị xã Đông Hòa (phần mặt đường)	7987966													28	28					28	28	-	-	-	-	QT	
3	Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND thị trấn Hòa Vinh	7642922													286		286				286	-	286	-	-	-	QT	
4	Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Tân An, Buôn Trinh xã Ea Bar và thôn Kinh tế 2 xã Ea Trol	8082669													356	356					356	356	-	-	-	-	QT	
5	Di dời các hộ dân ra khỏi khu vực có nguy cơ đe dọa tính mạng do sạt lở núi nhận, Phường 1, thành phố Tuy Hòa (2021-2025)	7992453													3.600		3600				3.600	-	3.600	-	-	-	Bổ sung vốn chi trả BTGPMB	
6	Khu dân cư 5 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng	8123167													10.000		10000				10.000	-	10.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
7	Nâng cấp, cải tạo, khép kín khu Đồi Thông	7943426													5.000		5000				5.000	-	5.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
8	Trường Mầm non Sen Vàng, điểm trường đường Lê Lợi, Phường 1, thành phố Tuy Hòa; Hạng mục: Tháo dỡ và xây dựng 04 phòng học, phòng hiệu trưởng, giáo dục, nghệ thuật, kho bếp, nhà kho, phòng y tế, nhân viên, bảo vệ, phòng hội trường, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị	7940707													2.250			2.250			2.250	-	-	2.250	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn								
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
9	Trường trung học cơ sở Hùng Vương, Phường 5, thành phố Tuy Hòa; Hạng mục: Tháo dỡ và xây dựng 04 phòng học, cải tạo nâng cấp sân trường, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị	7940727													1.560			1.560			1.560	-	-	1.560	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.
10	Trường THCS Trần Hưng Đạo, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa; Hạng mục: Tháo dỡ và xây dựng 05 phòng khối hành chính quản trị, phòng họp, phòng y tế, phòng giáo viên, phòng tổ chuyên môn, nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị	7940724													3.960			3.960			3.960	-	-	3.960	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.
11	Trường TH và THCS Võ Văn Kiệt, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa; Hạng mục: Tháo dỡ và xây dựng 03 phòng học bộ môn, phòng tư vấn học đường, 05 phòng khối hành chính quản trị, các phòng tổ chuyên môn, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị	7940722													5.400			5.400			5.400	-	-	5.400	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc bệnh viện Quốc Tế, Phường 9, thành phố Tuy Hòa	7784734													60.000		60.000			60.000	-	60.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông đường Lạc Long Quân, phường Phú Lâm và phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa	7801937													45.000		45.000			45.000	-	45.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
14	Đầu tư xây dựng đường quy hoạch N19 thuộc đồ án quy hoạch Độc Lập - Lê Duẩn, xã An Phú, thành phố Tuy Hòa	7947874													9.000		9.000			9.000	-	9.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
15	Mở rộng tuyến đường dọc Kênh N1 (đoạn từ Xã lộ 20 đến đường vào nghĩa trang Thọ Vực)	7947883													6.600		6.600			6.600	-	6.600	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
16	Đầu tư xây dựng kè Suối Cái (một số đoạn xung yếu), xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	7947884													37.500		37.500			37.500	-	37.500	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
17	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng, Phường 9; Hạng mục: Tháo dỡ, xây dựng 02 phòng học và nhà đa năng	7965358													1.650			1.650			1.650	-	-	1.650	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.
18	Trường tiểu học Lê Lợi, Phường 1; Hạng mục: Tháo dỡ, xây dựng 04 phòng học bộ môn	7965354													1.830			1.830			1.830	-	-	1.830	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.
19	Cải tạo chợ Tuy Hòa	8021251													6.750		1.750	5.000			6.750	-	1.750	5.000	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.
20	Trường TH Chu Văn An - Hạng mục: Xây dựng 08 phòng học tập	8113850													1.800			1.800			1.800	-	-	1.800	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại				
21	Đầu tư các đoạn đường nội bộ khu vực xung quanh dự án Nhà Lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	8059606												7.400		7.400				7.400	-	7.400	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
VIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33.135	-	23.135	10.000	-	-	33.135	-	23.135	10.000	-	-		
1	Dự án Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn một số xã Quy hoạch nội thị thuộc thị xã Sông Cầu	8089948												21.735		11.735	10.000			21.735	-	11.735	10.000	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
2	HTKT khu dân cư dọc tuyến đường ĐT 647 Thôn Phú Xuân B, xã Xuân Phước (đối diện với nhà văn hóa Phú Xuân B - Đồng Giốc).	8062077												6.400		6400				6.400	-	6.400	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
3	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường giao thông từ U hồn định đến Soi Tân Lập đến giáp Tân Long	8104453												1.000		1000				1.000	-	1.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
4	Bê tông tuyến đường liên thôn từ nhà ông Lân đến cầu đội 1 thôn Tân Hòa, xã Xuân Sơn Nam	8104630												1.000		1000				1.000	-	1.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
5	Nâng cấp bê tông đường giao thông từ trạm nước sạch thôn Tân An đến thôn Tân Phú, xã Xuân Sơn Nam	8051444												1.000		1000				1.000	-	1.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
6	Xây dựng kênh đập dâng Hòn Cao, xã Xuân Phước	8051442												1.000		1000				1.000	-	1.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
7	Nối dài kênh N8 thuộc kênh chính Nam, xã Đa Lộc	8105461												1.000		1000				1.000	-	1.000	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
IX	Sở Tài chính													47.446	251	-	-	-	47.195	47.446	251	-	-	-	47.195		
1	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Lắk	7585134												47.195					47.195	47.195	-	-	-	-	47.195	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
2	Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	7800115												251	251					251	251	-	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
X	Sở Xây dựng													15.653	-	15.653	-	-	-	15.653	-	15.653	-	-	-		
1	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2050	8162990												15.653		15.653				15.653	-	15.653	-	-	-	Nhu cầu vốn bổ trí để thực hiện dự án.	
XI	Các phường, xã		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.092	6.611	52.113	7.543	4.825	-	71.092	6.611	52.113	7.543	4.825	-		
XI.1	Phường Buôn Ma Thuột		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.425	-	5.901	6.524	-	-	12.425	-	5.901	6.524	-	-		

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại				
1	Dự án Đường số 3 và thông tuyến Đường số 15, Khu đô thị mới Trung tâm phường Tân Lợi	8073727													2.700		2.700				2.700	-	2.700	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Dự án Trường THCS Tân Lợi; Hàng mục: nhà lớp học 09 phòng; Cải tạo 27 phòng học, nhà bộ môn, nhà đa năng, cổng hàng rào	8144022													5.950		3.201	2.749			5.950	-	3.201	2.749	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
3	Dự án Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh; Hàng mục: Nhà lớp học, bộ môn (03 tầng); cầu nổi; cải tại sân, cổng, tường rào và HTKT	8144706													3.775			3.775			3.775	-	-	3.775	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.2	Xã Diê Ya		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.955	-	5.955	-	-	-	5.955	-	5.955	-	-	-	
1	Dự án công trình Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đường Giao thông từ trường THCS Nguyễn Du đến đường liên xã Ea Hồ - Ea Tôt	8124555													1.955		1.955				1.955	-	1.955	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Dự án mua sắm lắp đặt thiết bị phục vụ chế biến cà phê và hệ thống cấp đồng trái cây cho hợp tác xã Ea Tân	8111787													4.000		4.000				4.000	-	4.000	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.3	Xã Ea Drăng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.580	0	274	0	2.306	0	2.580	-	274	-	2.306	-	
1	Công trình: Mở rộng nghĩa địa buôn Lê Đà thị trấn Ea Drăng (cũ)	8128135													2.306				2.306		2.306	-	-	-	2.306	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ea H'Leo cũ	8097049													274		274				274	-	274	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.4	Xã Ea H'Leo		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	236	0	236	0	0	0	236	0	236	0	0	0	
1	Mở rộng nghĩa địa xã Ea H'Leo	8128138													236		236				236	-	236	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.5	Xã Krông Pắc		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	46	0	46	0	0	0	46	0	46	0	0	0	
1	Công trình Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Ea Yông (đường vào di tích Cada, đường vào bến nước, đường vào vườn sầu riêng cổ)	8099213													46		46				46	-	46	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.6	Xã Ea Phê		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.220	0	0	850	2.370	0	3.220	0	0	850	2.370	0	
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Ea Phê	8151133													2.370				2.370		2.370	-	-	-	2.370	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Dự án Sửa chữa tường rào, nhà bảo vệ Trường tiểu học Quang Trung, xã Ea Kuăng	8152171													850			850			850	-	-	850	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh												Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:				Ngân sách tỉnh	Trong đó:								
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
XI.7	Xã Ea Ô		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	149	0	0	0	149	0	149	-	-	-	149	-	
1	Chỉnh trang trục chính xã Cư Elang (Vía hè, điện...)	8134780													63				63		63	-	-	-	63	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Chỉnh trang trụ sở làm việc xã Cư Elang, huyện Ea Kar	8134686													74				74		74	-	-	-	74	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
3	Chỉnh trang trụ sở làm việc xã Ea Ô, huyện Ea Kar	8135003													12				12		12	-	-	-	12	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.8	Xã Dray Nháng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.421	6.421	-	-	-	-	6.421	6.421	-	-	-	-	
1	Đường giao thông nội buôn Ea Khít A, xã Ea Bhôk	8139024													2.270	2.270					2.270	2.270	-	-	-	-	QT
2	Đường giao thông vào Trường MN Măng Non, xã Ea Bhôk	8147825													1.300	1.300					1.300	1.300	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
3	Xây dựng Vía hè trục CK7 - Khu TT Hành chính huyện	8103051													1.970	1.970					1.970	1.970	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
4	Đường giao thông trục CK7 nối trục CK10 TTHC huyện	8102489													881	881					881	881	-	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XI.9	Xã Dư Kmal		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	190	190	-	-	-	-	190	190	-	-	-	-	
1	Dự án: Đầu tư đường trục chính nội đồng cánh đồng Buôn Krông thuộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Thanh Bình, huyện Krông Ana	8011406													190	190					190	190	-	-	-	-	QT
XI.10	Phường Hòa Hiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.814	-	11.645	169	-	-	11.814	-	11.645	169	-	-	
	UBND phường Hoà Hiệp Bắc (cũ)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.823	-	1.823	-	-	-	1.823	-	1.823	-	-	-	
1	Kiến cố hóa kênh mương Gò báp đến Gò Thùng Mang														492		492				492	-	492	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Nâng cấp chỉnh trang khu thể thao	785315													189		189				189	-	189	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú			
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:						
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	
3	Sửa chữa cái tạo hội trường HTX NNTH Hòa Hiệp Bắc	7853114													156		156					156	-	156	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
4	Xây dựng mới tiêu công viên chào mừng Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020-2025	7823847													179		179					179	-	179	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
5	Nâng cấp mở rộng đường GTNT, tuyến từ trạm y tế xã đến nhà máy nước đá ông Đình Quốc Vương	7800716													322		322					322	-	322	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
6	Chợ Trung Tâm xã Hòa Hiệp Bắc	7650404													199		199					199	-	199	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
7	Công trình Đầu tư bê tông hèm phố	7891820													286		286					286	-	286	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
	UBND phường Hoà Hiệp Trung (cũ)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.382	-	3.359	23	-	-	-	3.382	-	3.359	23	-	-	
1	Đầu tư bê tông hèm phố tại các đô thị trên địa bàn huyện Đông Hòa giai đoạn 2017-2020, thị trấn Hòa Hiệp Trung: 89 tuyến	7720567													605		605					605	-	605	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Đầu tư bê tông hèm phố tại các đô thị trên địa bàn huyện Đông Hòa giai đoạn 2017-2020, thị trấn Hòa Hiệp Trung: 72 tuyến														700		700					700	-	700	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
3	Đầu tư bê tông hèm phố tại các đô thị trên địa bàn huyện Đông Hòa giai đoạn 2017-2020, thị trấn Hòa Hiệp Trung: 08 tuyến														194		194					194	-	194	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố Phú Hòa														23			23				23	-	-	23	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
5	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Hòa Hiệp Trung														44		44					44	-	44	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
6	Sửa chữa, nâng cấp tượng đài liệt sĩ thị trấn Hòa Hiệp Trung														16		16					16	-	16	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
7	Nhà để xe và nâng cấp sân đường bê tông UBND thị trấn Hòa Hiệp Trung	7783474													29		29					29	-	29	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn								
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
8	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Phú Hiệp 1 thị trấn Hòa Hiệp Trung	7783475													88		88				88	-	88	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
9	Nâng cấp nhà văn hóa khu phố Phú Thọ 3, phường Hòa hiệp Trung	7943608													32		32				32	-	32	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
10	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa thị trấn Hòa Hiệp Trung	7818165													68		68				68	-	68	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
11	Mua sắm thiết bị, bàn ghế Hội trường UBND thị trấn Hòa Hiệp Trung	7886716													3		3				3	-	3	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
12	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, tuyến từ QL29 (Nhà ông Lương Văn Viên đến nhà ông Kiệt) khu phố Phú Hòa														10		10				10	-	10	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
13	Mua sắm bàn bổ sung cho Hội trường UBND phường Hòa Hiệp Trung														3		3				3	-	3	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
14	Mua sắm, lắp đặt máy điều hòa cho Hội trường UBND phường Hòa Hiệp Trung														6		6				6	-	6	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
15	Xây dựng cầu nối, khu vệ sinh nhà làm việc bộ phận một cửa UBND thị trấn Hòa Hiệp Trung														49		49				49	-	49	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
16	Xây dựng cải tạo tường rào, san nền, sân bê tông, nhà xe phía bắc Hội trường UBND thị trấn Hòa Hiệp Trung	7823845													111		111				111	-	111	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
17	Xây dựng cổng, tường rào, hệ thống âm thanh Hội trường trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Hòa Hiệp	7800770													64		64				64	-	64	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
18	Mua sắm và lắp đặt trang thiết bị phục vụ cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND Thị trấn Hòa Hiệp Trung	7800769													32		32				32	-	32	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
19	Xây dựng công viên cây xanh thị trấn Hòa Hiệp Trung														63		63				63	-	63	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú			
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn									
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:						
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	
20	Nhà làm việc BCH quân sự thị trấn Hòa Hiệp Trung													37		37						37	-	37	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
21	Đài truyền thanh không dây Thị trấn Hòa Hiệp Trung													53		53						53	-	53	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
22	Chỉnh trang, nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Hòa Hiệp Trung. Hạng mục: Lát đan, bó vỉa khuôn viên trước mặt trụ sở UBND thị trấn	7957007												37		37						37	-	37	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
23	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn, thôn Phú Hiệp 3, xã Hòa Hiệp Trung													91		91						91	-	91	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
24	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Phú Hiệp 3, thị trấn Hòa Hiệp Trung: Xây dựng đường giao thông nội bộ và lập quy hoạch phân lô tỷ lệ 1/500, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	7554533												113		113						113	-	113	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
25	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Phú Hiệp 3 thị trấn Hòa Hiệp Trung	7943607												26		26						26	-	26	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
26	Xây dựng các tuyến điện chiếu sáng trên địa bàn phường Hòa Hiệp Trung	7943604												8		8						8	-	8	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
27	Kiên cố hóa giao thông nội đồng (Tuyến từ nhà ông Hiệp đến Gò Ngự), khu phố Phú Hiệp 1													51		51						51	-	51	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
28	Tuyến đường Lê Hanh (đường 21), đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Tự Trọng	7943606												68		68						68	-	68	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
29	Xây dựng lắp đặt tuyến điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Lê Hanh	7943605												390		390						390	-	390	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
30	Xây dựng kiên cố hóa giao thông nội đồng (tuyến từ nhà ông Trần Ngọc Hoàng đến trạm bơm Phú Hòa)													194		194						194	-	194	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
31	Xây dựng kiên cố hóa giao thông nội đồng (tuyến từ Miếu Phú Xuân)													174		174						174	-	174	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh												Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Chia theo nguồn vốn						
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại	
	UBND phường Hoà Hiệp Nam (cũ)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.609	-	6.463	146	-	-	6.609	-	6.463	146	-	-	
1	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng nông thôn xã Hòa Hiệp Nam														86		86				86	-	86	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng														87		87				87	-	87	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
3	Công trình Bê tông hóa tuyến đường từ trường THCS Trần Kiệt đến nhà bà Phần, tổng chiều dài 450m, rộng 55m														229		229				229	-	229	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
4	Xây dựng mới khuôn viên, tôn tạo tượng đài bia chiến công Đài tưởng niệm liệt sĩ Núi Quéo														198		198				198	-	198	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
5	Bê tông hóa tuyến đường từ lò với ông Đồ đến Đập Dúi														994		994				994	-	994	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
6	Bê tông hóa tuyến đường từ cầu nhà bà Văn đến bến sân 2														412		412				412	-	412	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
7	Bê tông hóa các hẻm phố trên địa bàn phường														1.836		1.836				1.836	-	1.836	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thọ Lâm	7587089													10			10			10	-	-	10	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
9	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đa Ngự														136			136			136	-	-	136	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
10	Xây dựng hệ thống thoát nước nông thôn Phú Lạc.														97		97				97	-	97	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
11	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường GTNT, tuyến từ khu tái định cư Thọ Lâm đến trường tiểu học Nguyễn Du; từ nhà ông Minh đến nhà ông Nganh; từ nhà ông ngảnh đến nhà bà Ai; từ nhà bà Ai đến quán cà phê Hàn Dung; từ nhà nhà ông Thọ đến nhà ông Trí	7811324													389		389				389	-	389	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
12	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường GTNT, tuyến từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Tâm, từ trường THCS Trần Kiệt đến nhà bà Phần (Đa Ngự); từ nhà ông Hòa đến nhà bà Văn (Phú Lạc); từ bến đò đến xóm Láng Phú Lạc	7811323													324		324				324	-	324	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh											Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú	
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn							
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi		Vay lại
13	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường GTNT, tuyến từ nhà ông Trị đến nhà ông Sách (Thọ Lâm); từ nhà ông Thanh đến xóm Vũng Tàu (Đa Ngư).	7811325													411		411				411	-	411	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
14	Đo đạc lại hiện trạng và cắm mốc xác định ranh giới đất khu dân cư Bàu Phú Lạc	7811326													178		178				178	-	178	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
15	Xây dựng nhà xe, mái che lấy sáng, hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà, lắp đặt hệ thống máy điều hòa phòng họp, nhà một cửa UBND xã	7855005													466		466				466	-	466	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
16	Xây dựng nhà làm việc Quân sự xã Hoà Hiệp Nam	7704112													756		756				756	-	756	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XL11	Xã Suối Trai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	224	-	224	-	-	-	224	-	224	-	-	-	
1	Khép kín khu dân cư nông thôn dọc tuyến đường từ đầu kênh dẫn đi nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ, thôn Thông Nhất, xã Suối Trai	7940732													224		224				224	-	224	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XL12	Phường Sóng Cầu		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.317	-	7.317	-	-	-	7.317	-	7.317	-	-	-	
1	Nâng cấp mở rộng đường Trung Trinh - Vũng La (đoạn từ QL1 đến Km0+993)	8107661													5.000		5.000				5.000	-	5.000	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Nâng cấp mở rộng đường Bùi Thị Xuân	8151159													2.317		2.317				2.317	-	2.317	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XL13	Xã Xuân Cảnh		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.909	-	12.909	-	-	-	12.909	-	12.909	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ công thôn văn hóa Hòa Lợi đến Bãi Chô	8005045													10		10				10	-	10	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
2	Công viên Hồ Sen xã Xuân Bình	7990217													7.500		7.500				7.500	-	7.500	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
3	Trung tâm thể dục thể thao xã Xuân Bình	8072301													4.699		4.699				4.699	-	4.699	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
4	Chợ Xuân Hòa và khu dân cư Chợ	7880201													700		700				700	-	700	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng CT
XL14	UBND xã Vỹ Bồn		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	758	-	758	-	-	-	758	-	758	-	-	-	

STT	Chủ đầu tư/ Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh										Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú		
			Chia theo nguồn vốn						Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Chia theo nguồn vốn								
			Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					Ngân sách tỉnh	Trong đó:					
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại		Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Tăng thu tiết kiệm chi	Vay lại
1	Công trình: Đường giao thông NTM (trục thôn, buôn) thuộc xã Vụ Bồn	8126627												758		758				758	-	758	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán Khối lương HT	
XI.15	Xã Ea Bung		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	351	-	351	-	-	-	351	-	351	-	-	-		
1	Đường giao thông thôn 10 (đoạn từ nhà ông Thủy đến nhà ông Phú)	8107736												207		207				207	-	207	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán Khối lương HT	
2	Đường giao thông nối với khu sản xuất cánh đồng thôn 7 (đoạn từ đường liên xã Ea Bung - Ya Tờ Mốt nhà ông Đàm ra cánh đồng thôn 7)	8107323												143		143				143	-	143	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán Khối lương HT	
XI.16	Xã Xuân Thọ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.498	-	6.498	-	-	-	6.498	-	6.498	-	-	-		
1	Công trình Khu dân cư Gò Me, thôn Triều Sơn	7957387												6.498		6.498				6.498	-	6.498	-	-	-	Bổ sung vốn để thanh toán Khối lương HT	

Phụ lục II:

**THÔNG BÁO SAU CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, KẾ HOẠCH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch năm 2026		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng cộng	Trong đó:	
						NSDP		Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG						280.000	280.000	
I	Thông báo sau do chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư				113.188	113.188	46.600	46.600	
1	Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ của các cơ quan đảng trong thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính các cấp	14 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột và 02 Nguyễn Hữu Thọ, phường Bình Kiên	Văn phòng Tỉnh ủy	1446/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	62.188	62.188			
2	Xây dựng nền tảng dữ liệu số phục vụ công tác chỉ huy - điều hành an ninh, trật tự Công an tỉnh Đắk Lắk	Tại trụ sở Công an tỉnh Đắk Lắk	Công an tỉnh	1445/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	51.000	51.000			
II	Phân bổ sau						233.400	233.400	